

THÔNG BÁO

Tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 4 năm 2025

Trường Đại học Văn Hiến thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 4 năm 2025 gồm những nội dung sau:

1. Ngành tuyển sinh và hình thức tuyển sinh

Stt	Ngành tuyển sinh	Mã số	Hình thức tuyển sinh
1.	Văn học Việt Nam	8220121	Xét tuyển
2.	Tâm lý học	8310401	Xét tuyển
3.	Đông phương học	8310608	Xét tuyển
4.	Quản trị kinh doanh	8340101	Xét tuyển
5.	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Xét tuyển
6.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	Xét tuyển
7.	Quản trị khách sạn	8810201	Xét tuyển
8.	Công nghệ thông tin	8480201	Xét tuyển

2. Đối tượng tuyển sinh

a. *Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu:* Thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành gần, ngành khác từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

b. *Đối với chương trình theo định hướng ứng dụng:* Thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành gần, ngành khác (*không yêu cầu thâm niên công tác đối với thí sinh tốt nghiệp ngành đúng hoặc ngành gần*).

c. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học tại Trường Đại học Văn Hiến có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ.

d. Thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần, ngành khác phải tham gia học bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển. Thí sinh xem Danh mục học phần bổ sung kiến thức của ngành gần, ngành khác tại Phụ lục I.

e. Thí sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau về năng lực ngoại ngữ đầu vào:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Văn Hiến cấp (quy định tại phụ lục II đính kèm thông báo này).

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Lưu ý: Trong trường hợp thí sinh không đáp ứng được yêu cầu năng lực ngoại ngữ trên thì sẽ phải tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo quy định được tổ chức tại Trường.

3. Thủ tục đăng ký xét tuyển

a. **Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường, gửi qua đường Bưu điện hoặc đăng ký online tại địa chỉ: <https://sdh.vhu.edu.vn/>.**

b. **Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:**

- Đơn đăng ký xét tuyển thạc sĩ (*theo mẫu*).
- Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu, có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền*).
- Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học (*02 bản*).
- Bản sao Bảng điểm toàn khóa đại học (*02 bản*).
- Bản sao Bằng đại học ngoại ngữ hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.
- Bản sao Giấy khai sinh.
- Giấy khám sức khỏe.
- Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
- Bản sao giấy xác nhận văn bằng tương đương của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.
- 02 ảnh 3x4, mới chụp trong 06 tháng trở lại.

c. Lệ phí

- Xét hồ sơ: 500.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí học bổ túc kiến thức: 1.000.000 đồng/môn.

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tiếp tại Trường hoặc chuyển khoản vào tài khoản, gồm thông tin sau:

- Chủ tài khoản: Trường Đại học Văn Hiến
- Số tài khoản: 068 686 133 333
- Tên ngân hàng: Sacombank - Chi nhánh Quận 10 - TP HCM
- Nội dung chuyển khoản: CCCD_Hoten_LPXTTHS_Nganhxettuyen_D4.2025

4. Thời gian và địa điểm đăng ký xét tuyển

a. Nhận hồ sơ xét tuyển:

- Thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần, ngành khác: **đến ngày 01/12/2025.**
- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng: **đến ngày 20/12/2025.**
- Dự kiến bổ túc kiến thức: **từ ngày 05/12/2025 đến 25/12/2025.**
- Dự kiến xét tuyển: **ngày 31/12/2025.**

b. Đánh giá năng lực ngoại ngữ:

Lịch thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào (dự kiến): **02/12/2025.**
 (Ứng viên theo dõi thông tin lịch thi tại <https://ttnn.vhu.edu.vn/>)

c. Địa điểm đăng ký xét tuyển:

Trung tâm Tư vấn tuyển sinh: 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP.HCM.

5. Kế hoạch đào tạo và các điều kiện hỗ trợ của Trường Đại học Văn Hiến

- a. Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung.
- b. Thời gian đào tạo dự kiến: 1,5 năm đối với định hướng ứng dụng và 2,0 năm đối với định hướng nghiên cứu.
- c. Thời gian học: từ tối thứ Hai đến tối thứ Sáu, cả ngày thứ Bảy, Chủ nhật (sáng: 07h30-11h50; chiều: 13h00-17h20; tối: 18h00-21h30).
- d. Phòng học được gắn máy lạnh, trang thiết bị hiện đại phục vụ tốt yêu cầu dạy, học.
- e. Đội ngũ giảng viên chọn lọc, tận tâm, có uy tín và giàu kinh nghiệm. Ngoài ra, Nhà trường còn mời giảng viên thỉnh giảng từ các trường đại học danh tiếng.
- f. Chương trình đào tạo theo tín chỉ linh hoạt.
- g. Được đảm bảo các điều kiện về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của Trường.
- h. Chính sách học phí và học bổng năm 2025, vui lòng tham khảo tại: [Thông báo Chính sách học phí Sau đại học năm 2025](#) .

Thí sinh xem thông tin chi tiết về tuyển sinh của trường Đại học Văn Hiến tại <https://sdh.vhu.edu.vn/> . Tổng đài tư vấn tuyển sinh: **0967.490.333**.

Nơi nhận:

- TT. HĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường (để t/h);
- Đăng tải website;
- Lưu: VT, TT.TVTS

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức

PHỤ LỤC I

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/ PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC, ĐẠI HỌC NGÀNH ĐÚNG/ PHÙ HỢP VÀ HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Ban hành theo Thông báo số 06/MYH26/VHU/TB ngày 21 tháng 10 năm 2025)

1. Ngành Văn học Việt Nam

Loại	Ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Ngành đúng	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Văn học, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn học nước ngoài, Hán Nôm, Lý luận văn học, Ngữ văn	
Ngành gần	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Tâm lý học, Văn hóa học, Việt Nam học, Công tác xã hội, Xã hội học, Quan hệ công chúng, Truyền thông đa phương tiện, Giáo dục học, Công tác xã hội, Xã hội học, Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Giáo dục đặc biệt	- Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII - Văn học Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX - Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945 - Lý luận văn học (Nguyên lý học, Tác phẩm văn học)
Ngành khác	<i>Thí sinh có bằng đại học không thuộc các trường hợp trên</i>	- Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII - Văn học Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX - Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945 - Lý luận văn học (Nguyên lý học, Tác phẩm văn học) - Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 - Chủ nghĩa nhân văn trong văn học

2. Ngành Tâm lý học

Loại	Ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Ngành đúng	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Sư phạm Tâm lý - Giáo dục	

Ngành gần	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Giáo dục học, Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Giáo dục đặc biệt, Công tác xã hội, Xã hội học, Y khoa - y tế công cộng, Bác sĩ y học dự phòng, Bác sĩ y đa khoa, Giáo dục đặc biệt, Y Đa khoa, Bác sĩ Thú y, Y học dự phòng, Dược học	- Tâm lý học đại cương - Tâm lý học phát triển - Tâm lý học tham vấn - Các liệu pháp trị liệu tâm lý
Ngành khác	<i>Thí sinh có bằng đại học không thuộc các trường hợp trên</i>	- Tâm lý học đại cương - Tâm lý học phát triển - Tâm bệnh học - Tâm lý học tham vấn - Các liệu pháp trị liệu tâm lý - Giải phẫu và sinh lý thần kinh cao cấp

3. Ngành Đông Phương học

Loại	Ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Ngành đúng	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Đông Phương học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Quốc tế học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Việt Nam học	
Ngành gần	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Dân tộc học, Tâm lý học, Địa lý học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Triết học, Tôn giáo học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Văn học, Quan hệ công chúng, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sur phạm tiếng Trung Quốc; Ngôn ngữ Nhật, Sur phạm tiếng Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc, Sur phạm tiếng Hàn Quốc	- Lịch sử văn minh thế giới - Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương - Ngoại giao văn hóa - Giao tiếp đa văn hóa
Ngành khác	<i>Thí sinh có bằng đại học không thuộc các trường hợp trên</i>	- Lịch sử văn minh thế giới - Hội nhập Châu Á – Thái Bình Dương

		- Ngoại giao văn hóa - Giao tiếp đa văn hóa - Quan hệ quốc tế - Ngôn ngữ học đại cương
--	--	---

4. Ngành Quản trị kinh doanh

Loại	Ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Ngành đúng	<i>Thí sinh có bằng đại học ngành:</i> Quản trị kinh doanh.	
Ngành gần	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Kinh tế, Kinh doanh thương mại, Marketing; Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Tài chính ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Du lịch, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế quốc tế, Quan hệ lao động, Quản lý công, Quản trị nhân lực	- Lý thuyết tài chính tiền tệ - Quản trị nhân sự - Thống kê kinh doanh - Kinh tế lượng
Ngành khác	<i>Thí sinh có bằng đại học không thuộc các trường hợp trên.</i>	- Lý thuyết tài chính tiền tệ - Quản trị nhân sự - Thống kê kinh doanh - Kinh tế lượng - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô

5. Ngành Tài chính – Ngân hàng

Loại	Ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Ngành đúng	<i>Thí sinh có bằng đại học ngành:</i> Tài chính – Ngân hàng	

Ngành gần	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Thương mại quốc tế, Kế toán - Kiểm toán, Hệ thống thông tin kinh tế, Ngoại thương và Thẩm định giá, Quản lý và phân tích thông tin kinh tế	- Tài chính tiền tệ - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Quản trị tài chính doanh nghiệp - Thị trường tài chính
Ngành khác	<i>Thí sinh có bằng đại học không thuộc các trường hợp trên</i>	- Tài chính tiền tệ - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Quản trị tài chính doanh nghiệp - Thị trường tài chính - Kinh tế học - Nguyên lý kế toán - Quản trị học

6. Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành

Loại	Ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Ngành đúng	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
Ngành gần	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Văn hóa học (Văn hóa du lịch), Việt Nam học (Văn hóa du lịch), Địa lí học - Địa lí du lịch, Tái tạo và bảo vệ tài nguyên môi trường, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Đông phương học	- Tổng quan du lịch - Marketing du lịch - Quản trị khách sạn - Thiết kế và tổ chức Tour
Ngành khác	<i>Thí sinh có bằng đại học không thuộc các trường hợp trên</i>	- Tổng quan du lịch - Marketing du lịch - Quản trị khách sạn - Thiết kế và tổ chức Tour - Quản trị du lịch - Kinh tế du lịch

7. Ngành Quản trị khách sạn

Loại	Ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Ngành đúng	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Quản trị khách sạn, Du lịch, Quản trị khách sạn Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	
Ngành gần	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành, Quản trị sự kiện, Quản trị kinh doanh, Quản trị học	- Tổng quan Quản trị khách sạn - Văn hóa ẩm thực - Quản trị khu du lịch
Ngành khác	<i>Thí sinh có bằng đại học không thuộc các trường hợp trên</i>	- Tổng quan Quản trị khách sạn - Văn hóa ẩm thực - Quản trị khu du lịch - Phát triển du lịch bền vững - Tiếp thị trong kinh doanh dịch vụ lưu trú - Quản trị sự kiện trong du lịch

8. Ngành Công nghệ thông tin

Loại	Ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Ngành đúng	<i>Thí sinh có bằng đại học ngành:</i> Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Khoa học máy tính. Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Sư phạm Tin học, Khoa học dữ liệu, Toán tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Mạng máy tính & truyền thông dữ liệu.	
Ngành gần	<i>Thí sinh có bằng đại học các ngành:</i> Toán học, Toán ứng dụng, Khoa học tính toán, Hệ thống quản lý, Thư viện, Điện tử viễn thông, Thương mại điện tử, Truyền thông đa phương tiện.	- Cơ sở dữ liệu - Phân tích thiết kế hệ thống - Cơ sở Trí tuệ nhân tạo

Ngành khác	<i>Thí sinh có bằng đại học không thuộc các trường hợp trên.</i>	- Cơ sở dữ liệu - Phân tích thiết kế hệ thống - Cơ sở Trí tuệ nhân tạo - Mạng máy tính - Lập trình Python - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
------------	--	---

Ghi chú: Những thí sinh có chứng nhận Bổ túc kiến thức một trong những học phần trên hoặc đã học một trong những học phần trên trong vòng 05 năm ở chương trình đào tạo bậc đại học (kèm bảng điểm với số tín chỉ học phần, hoặc số đơn vị học trình môn học từ 3 trở lên) thì sẽ được xét miễn học bổ sung kiến thức học phần đó.

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN
(Ban hành theo Thông báo số: 06/MYH26/VHU/TB ngày 21 tháng 10 năm 2025)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng		Trình độ/Thang điểm	
				Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	Chứng nhận năng lực ngoại ngữ: Tiếng Anh		Bậc 3/6 (Tương đương B1 theo khung châu Âu – CEFR)	
		TOEFL iBT		30-45	46-93
		TOEFL ITP		450-499	
		IELTS		4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English		B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)		Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL		B1	B2
		VEPT	GSE Score	43-58	59-75
			CEFR	B1	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas		TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut		Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate		TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)		HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)		N4	N3
7	Tiếng Nga	TPKH - TecT no pyccKOMy iBbiKy KaK HHOCTpaHHOMy		TPKH-1	TPKH-2